

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa****Tập 5****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Hàng thứ nhất, trang thứ ba của sách Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, xem từ hàng thứ nhất.

“*Thứ nhất cú Phật hiệu, chánh như Yếu Giải sở thị, tức thị chúng sanh Bốn Giác Lý tánh, cố tri: Thứ giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác*” (một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã dạy, chính là Lý tánh trong Bốn Giác của chúng sanh. Cho nên biết: Cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Trong lần trước, chúng ta đã đọc tới chỗ này. Câu này vẫn phải nói rõ cặn kẽ hơn một chút, nó có quan hệ rất lớn đối với sự niệm Phật của chúng ta. Cái “*giới nhĩ năng niệm chi tâm*” này là chân tâm, mà cũng là vọng tâm; trong các thứ vọng tâm, nó gần với chân tâm nhất. Vì sao? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm nó là chân tâm. Hễ khởi tâm động niệm, nó là vọng tâm, chỉ là cái tâm bé nhỏ này vừa mới dấy lên [ý niệm]. Nhìn từ phía chân và vọng, cái tâm này khó có; dùng cái tâm này để niệm Phật thì cái tâm ấy chính là “*Như Lai quả giác*” được nói đến ở đây. Người ấy chẳng mê, chẳng có Hoặc (phiền não), [tức là] chẳng mê hoặc. Khi một niệm tâm khởi lên, bèn A Di Đà Phật; niệm Phật phải niệm theo cách như vậy. Nay chúng ta là phàm phu, là lục đạo phàm phu chính cống; nếu trong kinh Đại Thừa, đức Phật không nói ra, chúng ta sẽ vĩnh viễn không nhận biết một niệm tâm này. Nó quá vi tế, “*giới nhĩ*” có nghĩa là “*vi tế*” (nhỏ nhiệm), cực kỳ vi tế, chúng ta không có cách nào nghĩ tưởng được!

Chúng ta vừa mới dấy lên một niệm suy tưởng, Di Lặc Bồ Tát đã bảo: Trong một niệm tưởng, có “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, đây là “*giới nhĩ năng niệm chi tâm*” (cái tâm có thể niệm nhỏ nhoi này). Chúng ta vừa mới tưởng, trong cái ý niệm vừa dấy động ấy, bèn có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Di Lặc Bồ Tát đã cho chúng ta biết: [Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm chỉ là] trong khoảng khảy ngón tay, cho nên không có cách nào thấu hiểu điều này được! Trong kinh, đức Phật cũng nói rất rõ khi nào quý vị mới có thể quan sát, nhận biết những niệm vi tế này tồn tại: [Phải là khi đã đạt đến] Bát Địa Bồ Tát, tức Bát Địa Bồ Tát [trong Viên Giác] như kinh Hoa Nghiêm [đã nói]. Từ Thất Địa trở về trước, đều không có cách nào cảm nhận được! Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực như vậy, chúng ta gọi [công phu ấy] là “*thanh tịnh tâm*”. Cái tâm thanh tịnh ấy đạt đến mức độ tinh thuần như vậy, nên Ngài mới cảm nhận được. Cao hơn nữa là Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), trên nữa là Diệu Giác, đó chính là viên mãn, tức quả Phật rốt ráo viên mãn! Nay chúng ta nên học như thế nào? Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Chúng ta có thể học theo bí quyết về phương pháp huấn luyện trong cuộc sống thường ngày của Ấn Quang đại sư, bí quyết gì vậy? [Chính là] chữ Tử trong “*sanh tử*”, thường nghĩ đến lúc phải đối diện cái chết. Đừng sợ chết! Quý vị phải biết: Chết là thân có

sanh tử, chứ linh hồn (thần thức) không có sanh tử! Nếu sau khi chết, cái gì cũng đều không có, linh hồn cũng chẳng có; nói chung, chúng ta cũng chẳng cần phải học Phật, cũng chẳng cần phải tu hành, giống như phàm nhân thường nói “*người chết như ngọn đèn đã tắt*”. Chết rồi, cái gì cũng đều chẳng có! Không phải vậy! Thân chết, linh hồn không chết; linh hồn lại đi đầu thai, tức là nói “luân hồi trong lục đạo”, chuyện này phiền phức lắm! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật này: [Thần thức] chẳng thể chết được! Trong quá khứ, khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, chết là phiền lắm! Phiền phức quá lớn! Nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, vãng sanh Tịnh Độ là thành Phật!

Có thể làm được hay không? Ai cũng có thể làm được! Chỉ cần quý vị hiểu lời khai thị này của pháp sư Ấn Quang, thường nghĩ thọ mạng của mình chỉ là một ngày hôm nay, đừng nghĩ sẽ có ngày mai, [chỉ có ngày] hôm nay thôi, quý vị còn có gì mà không buông xuống được? Chỉ có một ngày hôm nay, ngày hôm nay là ngày cuối cùng, ta phải nên làm chuyện gì? Thật thà niệm Phật, chẳng phải là đã thành công rồi hay sao? Cách niệm như thế nào? Mỗi tế bào trên thân thể ta đều là A Di Đà Phật, mỗi sợi lông đều là A Di Đà Phật. Ta lại mở banh mắt nhìn ra thế giới bên ngoài, nghe âm thanh bên ngoài, những điều mà sáu căn tiếp xúc, chẳng có điều nào không phải là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật trọn khắp pháp giới; đây là niệm Phật. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất hay: Hết thấy chúng sanh, “*chúng sanh*” ở đây hiểu theo nghĩa rộng, không theo nghĩa hẹp, do các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng [thì gọi] là chúng sanh, có hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp? Cái thân động vật của chúng ta do các duyên hòa hợp, [gọi theo] danh từ Phật học là Tứ Đại, Ngũ Uẩn. Tứ Đại là vật chất, Ngũ Uẩn là tinh thần, tức Thọ, Tướng, Hành, Thức. Tứ Đại và Ngũ Uẩn hợp thành thân thể này. Hoa, cỏ, cây cối thì sao? Hoa, cỏ, cây cối cũng vậy, cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Chúng ta thấy thân tướng của chúng là hiện tượng vật chất; chúng có Thọ, Tướng, Hành, Thức hay không? Có chứ! Không rõ ràng như động vật, trì độn hơn động vật nhiều lắm, nhưng chúng có [Thọ, Tướng, Hành, Thức]. Nếu không có, làm sao chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với chúng?

Mười năm gần đây nhất, tôi di dân sang Úc, lập một đạo tràng tại Úc. Đất ở Úc rẻ, tiền xây cất đạo tràng rất thấp, đất đai đặc biệt rẻ. Hoàn cảnh sống của tôi ở Úc là ở vùng nông thôn, cách thành phố mười hai cây số, lái xe [vào thành phố mất] mười lăm phút. Phía ngoài căn nhà tôi ở là sân, sân to chừng nào? Cỡ một trăm bảy mươi mẫu Trung Quốc<sup>1</sup>, sân to như vậy đó! Phía ngoài dùng dây kẽm rào lại, đi vòng quanh hàng rào ấy phải mất một giờ. Vì thế, tôi trồng rất nhiều rau, rất nhiều cây cối, hoa cỏ. Cây cối, hoa, cỏ có linh khí, rau có linh khí, thực vật có linh tánh, chúng có [khả năng] thấy nghe, hay, biết. Chúng ta dùng thiện tâm chăm sóc, đối đãi chúng, chúng sẽ báo đáp tốt đẹp: Hoa nở đặc biệt thơm, kết quả đặc biệt ngọt, chúng đên đáp đầy! Chúng tôi không dùng thuốc trừ sâu và phân hóa học. Thuốc trừ sâu và phân hóa học sẽ tổn hại chúng, chúng chẳng muốn tiếp nhận. Chúng giống như chúng ta, có một phần tinh thần. Phật pháp nói đến tâm, thực vật có tâm pháp. Chăm sóc vườn rau, vườn rau rất lớn, chúng tôi tổ chức các hoạt động, rau trong vườn có thể đủ cung cấp cho một ngàn người ăn. Tổ chức các hoạt động suốt bảy

1 Một mẫu (畝) Trung Hoa bằng 666.67 mét vuông.

ngày có thể chẳng cần phải mua rau ở bên ngoài. Vườn rau của chúng tôi có thể đủ cho một ngàn người ăn mỗi ngày. Vườn rau to ngàn ấy, trồng rất nhiều loại. Pháp sư Ngô Khiêm cho tôi biết: Cô ta trông nom vườn rau, một hôm nằm mộng, thấy có một trái dưa leo báo mộng: “Tôi đã già khăng rồi mà các cô không hái”. Quý vị thấy nó báo mộng cho cô ta vì cô trông nom vườn rau. Hôm sau, [thức dậy], cô ta cảm thấy lạ lắm, bần khoăn: “Mỗi ngày mình đều vào vườn, cứ sao chẳng thấy?” Tìm đúng vị trí [trái dưa] đã chỉ [trong giấc mộng], quả nhiên có một trái dưa; nó khuất sau mớ dây leo nên chẳng thấy. Cô ta thấy nó đúng là quá già, chẳng thể nào ăn được. Thôi! Để dành làm giống vậy! Quý vị thấy đó: Dưa có thể báo mộng cho quý vị; cho nên nó có linh tánh, quý vị đừng coi rẻ, xem thường nó! Quý vị phải tôn trọng nó. Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có linh tánh, mà núi, sông, đại địa cũng có linh tánh, cũng tức là nói “*khoáng vật có linh tánh*”. Tiên sĩ Giang Bôn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, nhà khoa học này thừa nhận, ông ta chẳng bịa chuyện. Ông ta làm thí nghiệm mười hai năm, nước là khoáng vật, nó có thể thấy và nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Sau khi tin tức này được công bố, nói theo Phật pháp, [sở dĩ nước có thể thấy, nghe, hiểu ý là vì] tất cả hết thảy khoáng vật, núi, sông, đại địa đều có linh tánh, cũng có thể nói là chúng đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thân thể của động vật là Ngũ Uẩn, nhưng thực vật và khoáng vật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chẳng lìa Ngũ Uẩn, chỉ là mức độ mẫn cảm khác nhau. Động vật mẫn cảm nhất, rõ ràng nhất, thực vật kém hơn, khoáng vật kém hơn nữa, nhưng vẫn có linh tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu một hạt vi trần có là A Di Đà Phật hay không? Đúng vậy! Một sợi lông có phải là A Di Đà Phật hay không? Phải! A Di Đà Phật ở đâu? Khấp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là A Di Đà Phật! A Di Đà Phật là tự tánh, là Tánh Đức của chúng ta. Một niệm của chúng ta vừa dấy lên, bèn tương ứng viên mãn với Tánh Đức, đó gọi là niệm Phật. “*Giới nhĩ năng niệm chi tâm*” chính là quả giác của Như Lai, chẳng giả tí nào!

“*Thị cố, Quán Kinh vân*” (Do vậy, Quán Kinh nói). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là một trong ba kinh Tịnh Độ, bộ kinh này giảng về lý luận và phương pháp tu hành; còn kinh Vô Lượng Thọ là Tịnh Tông khái luận, giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quán Kinh chuyên giảng về hai bộ phận lý luận và phương pháp. Kinh A Di Đà là lược bản (bản rút gọn) của kinh Vô Lượng Thọ, tức là một phiên bản (version) tinh giản, thuận tiện cho quý vị học tập trong khóa sáng và khóa tối. Trong kinh ấy, có bốn lần khuyên dạy, chẳng dễ có, rất miêng, buột lòng khuyên bảo chúng ta hãy tin tưởng, hãy phát nguyện, phải cầu sanh Tịnh Độ, [làm như thế] là đúng. Đây là chư Phật Như Lai bi tâm vô tận, mong cho chúng ta thành tựu trong một đời. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng khuyên chúng ta nhiều như thế, nhưng trong kinh Di Đà khuyên tới bốn lần; cũng có nghĩa là pháp môn này đảm bảo quý vị sẽ thành tựu trong một đời. Chỉ cần thật sự làm được, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, sẽ thành công. Đại Thế Chí Bồ Tát đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, có hai câu như sau: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là nguyên văn hai câu trong kinh ấy. “*Tâm này là Phật*”, tôi vừa mới nói lắm lời như vậy chỉ nhằm giải thích bốn chữ này! Tôi nói tới các tế bào trên toàn thân chúng ta thì tế bào vẫn còn lớn. Nếu chia chẻ tế bào, sẽ biến thành phân tử. Lại chia chẻ phân tử, sẽ biến thành nguyên tử. Chia đến cuối cùng là hạt cơ bản. Mỗi hạt cơ bản đều là A Di Đà Phật, do tâm biến ra. Hạt cơ bản là tâm, tâm này là Phật, lẽ nào các hạt cơ bản ấy chẳng phải là Phật! Tất cả tế bào trên thân tôi đều là Phật, các tế bào trên thân quý vị có

là Phật hay không? Là! Ngay cả cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa đều là! Từ chỗ này, quý vị sẽ giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải [là A Di Đà Phật]! Hễ giác ngộ, pháp nào cũng đều như thế. Do vậy, kinh Phật được mở đầu bằng câu “*nhu thị ngã văn*”, “*nhu thị*” là gì vậy? Như là Chân Như. “*Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng, Tánh và Tướng bất nhị*”. Tánh là Phật, lẽ nào Tướng chẳng phải là Phật! Đâu có lẽ ấy! Tâm này là Phật, có chuyện gì chẳng phải là Phật! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, Phật là gì? Phật là tâm, là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm, là gì? Cái tâm có thể sanh, có thể hiện. Cái tâm có thể biến chính là thức tâm, tức A Lại Da Thức, chuyển các tướng “có thể hiện, có thể sanh” thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chuyển biến thành lục đạo luân hồi. Đó là chuyện thực hiện bởi thức tâm. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Thức thức sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thứ bảy chấp trước, Mạt Na chấp trước. Thức thứ sáu phân biệt, thiên biến vạn hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói có ba thứ “*châu biến*” (trộn khắp), “*xuất sanh vô tận*” (sanh ra vô tận) chính là nói về ý nghĩa này. Tâm này là Phật, không gì chẳng phải Phật, dùng tâm này để trì danh, niệm Phật.

“*Tâm này làm Phật*”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật, niệm Bồ Tát là làm Bồ Tát, niệm A La Hán là làm A La Hán. Người trong thế gian hiện nay niệm gì? Đầu óc nghĩ tới tiền, nghĩ nhớ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nghĩ tới những thứ này. Niệm những điều này sẽ biến thành những điều này, niệm gì sẽ biến ra đó, giống như ông kính vạn hoa vậy, niệm cái gì sẽ biến ra cái đó. [Niệm ngũ dục] sẽ không phải là Phật. Tài sắc là gì? Thừa quý vị, tài sắc là ngọc quý, địa ngục. Vì sao? Quý vị nổi tâm tham. Tâm tham là ngọc quý, sân khuê là địa ngục, ngu si là súc sanh. Ngu si là chẳng liễu giải chân tướng sự thật, nên gọi là ngu si. Trong thế gian hiện thời, mấy ai hiểu rõ chân tướng sự thật? Nếu chúng ta không học kinh giáo Đại Thừa, sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi ngu si; chỉ có những kinh điển Phật pháp Đại Thừa mới giúp chúng ta phá mê khai ngộ. “Ngộ” ở đây chẳng phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, chúng ta đã hiểu rõ. Vì sao chưa chứng đắc? Chưa buông xuống! Thật sự buông xuống là cảnh giới nào? Tôi vừa mới nói đây thôi! Khi thật sự buông xuống, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, chẳng phải là thô niệm, mà là tế niệm, niệm niệm thật sự giác ngộ. Trong cảnh giới ấy chẳng có lục đạo, chẳng có mười pháp giới, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, “nhất” là thật, “nhị” là giả. Quý vị đọc đoạn thứ nhất trong Hoàn Nguyên Quán, tức bài văn của Hiền Thủ đại sư, [Ngài đã giảng về] Nhất Chân, [cảnh giới] đó là thật: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là tâm, là Phật, chẳng hai; tâm và Phật là một, chẳng hai. Khởi lên nhị dụng thì sao? Khởi lên nhị dụng sẽ biến đổi! Nhị dụng là gì? Vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, ta xuất hiện! Ta là chánh báo; trừ chánh báo ra, tất cả hết thảy hoàn cảnh đều là y báo. Trong y báo, có y báo nhân sự, tức là quan hệ giữa con người với nhau, và y báo hoàn cảnh vật chất. Hễ ý niệm vừa dấy lên, y báo và chánh báo trang nghiêm đều xuất hiện. Khi nó xuất hiện, nó chưa biến, đều do tự tánh hiện; do vậy, có thể hiện, có thể sanh, nhưng chẳng biến hóa. Đây gọi là Nhất Chân pháp giới.

Nhưng nếu khởi phân biệt, [cảnh giới] sẽ biến đổi. Chư vị phải hiểu: Tâm phân biệt dấy lên, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo nữa, xuất hiện cảnh giới gì? Tứ thánh pháp giới, tức là bốn tầng trên trong mười pháp giới, có phân biệt, nhưng không chấp trước. Nếu hơi có một chút chấp trước, chấp trước gì vậy? Ta mong không chế nó, toan chiếm hữu nó; hễ có ý

niệm như thế, tứ thánh pháp giới chẳng còn nữa, không thấy nữa, lại xuất hiện gì? Lục đạo luân hồi xuất hiện. Lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước! Do vậy, trong lục đạo, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Trong Nhất Chân pháp giới của các cõi Phật, có vọng tưởng, nhưng không có phân biệt và chấp trước. Chấp trước hại chết người! Vì sao quý vị sống trong thế gian khổ sở như thế? Do chấp trước. Chấp trước chẳng còn nữa, trong thế gian này, quý vị sẽ sung sướng, chẳng khổ sở, lìa khổ, được sướng. Câu tiếp theo là “*tâm này làm Phật*” quá quan trọng! Vì sao quý vị chẳng niệm Phật? Niệm Phật được tự tại, niệm Phật được tương ứng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng sung sướng, biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể; quý vị bèn chứng đắc hai câu “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, đó chính là cảnh giới của quý vị. Người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với bốn cõi, sẽ sanh trong cõi nào? Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở, thấy Phật, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là gì? Là một vị A Duy Việt Trí Bồ Tát thật sự, chẳng giả tí nào! Nếu chưa nhập cảnh giới này, vẫn có thể vãng sanh, thường gọi là “đới nghiệp vãng sanh”, pháp môn này thù thắng khôn sánh! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có đới nghiệp, chỉ có pháp môn này cho phép quý vị đới nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phương Tiện hay cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới của chúng ta, cõi Đồng Cư là lục đạo, cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới.

Nhưng cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Tây Phương không giống với thế giới của chúng ta. Ở nơi đây (thế giới Sa Bà), chúng ta có chướng ngại; thứ bậc khác nhau sẽ chẳng thấy được [cảnh giới của các cõi Tịnh Độ khác]. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới bình đẳng, không có chướng ngại. Điều này giống như gì? Chúng ta học tập trong nhà trường, Tiểu Học và Trung Học chẳng ở chung trong một trường, học trò Tiểu Học chẳng thể đến trường Trung Học; mà học trò Trung Học cũng chẳng thể đến [học trong] trường Tiểu Học. Trong Tiểu Học, còn có các lớp khác nhau; những trò cùng một lớp sẽ học chung với nhau. Nếu khác lớp, tuy là bạn đồng học, chẳng thường gặp mặt, chẳng cùng lên lớp với nhau. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học cùng nghe giảng trong một phòng học; cho nên gặp mặt mỗi ngày, thật sự là đồng học. Học trò lớp Một, lớp Hai Tiểu Học cùng học với các đàn anh sinh viên Đại Học năm thứ nhất, năm thứ hai thuộc hệ nghiên cứu sinh, gọi nhau là huynh đệ hay đồng học, gặp mặt mỗi ngày. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới không có trạng huống và tình hình này, thù thắng lắm! Do vậy, thế giới Cực Lạc là “*sanh vào một, là sanh hết thấy*”. Quý vị sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, gần như cũng đồng thời sanh vào cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo. Đây là lý do vì sao Thích Ca, Di Đà khuyên chúng ta vãng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới cũng khuyên chúng ta vãng sanh, đạo lý ở chỗ này. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng thể vãng sanh, làm sao xứng với Phật Thích Ca? Làm sao xứng với Phật Di Đà? Làm sao xứng với mười phương chư Phật? Những câu này, câu nào cũng đều là lời chân thật. Vì thế, hai câu nói “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*” đã nói trọn hết [những nghĩa lý tinh vi của pháp môn Tịnh Độ].

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ viết: “*Bỏ lại thị Phật, hiện hựu tác Phật. Thị cố, đương hạ tức Phật*” (Vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật; cho nên, ngay lập tức là Phật). Câu này chẳng phải nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta, mà là sự thật, vấn đề ở chỗ nào? Vấn

đề là bản thân chúng ta không dám gánh vác, bản thân chúng ta chẳng dám thừa nhận! Không dám gánh vác, không dám thừa nhận là đúng, như thế nào là đúng? Vốn là Phật! Chẳng cần nói năng chi nữa, lời này là đúng! Nay lại làm Phật, quý vị hữu danh vô thực! Niệm A Di Đà Phật để mong thành Phật, nhưng có rất nhiều nghi vấn đối với câu Phật hiệu ấy, thật hay chẳng? Có rất nhiều câu hỏi trong đó! Niệm một câu Phật hiệu này, có rất nhiều xen tạp; nhưng xen tạp những gì, chính quý vị cũng chẳng biết! Vì sao không biết? Do quý vị ngu si, tham, sân, si. Nếu chẳng ngu si, sẽ biết điều gì xen tạp. Do ngu si, nên xen tạp mà chẳng biết; vì thế, công sức chẳng thuần. Niệm Phật lập tức thật sự là Phật, nhưng vì quý vị công phu chẳng thuần, chẳng đạt tiêu chuẩn, cứ hướng theo phương hướng đó thì sẽ chẳng sai, nhưng chưa đạt được mục tiêu này. Làm sao để chẳng hoài nghi? Phải thấy thấu suốt. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi *“thấy thấu suốt, buông xuống”*. Thấy thấu suốt là hiểu rõ minh bạch chân tướng sự thật. Kẻ căn tánh trung hạ như chúng ta chỉ có thể từ từ hiểu rõ kinh giáo. Sau khi hiểu rõ, quý vị cũng rất dễ buông xuống. Chính quý vị biết *“chẳng buông xuống là sai”*, làm lần quá đời! Vì sao phải buông xuống? Vì nó (phiền não, mê hoặc, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng) vốn không có, hết thảy đều là giả! Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, vạn pháp đều Không. Khi đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhân quả cũng là không. Chư vị phải biết: Đến cõi Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng còn nữa. Trong cõi Thật Báo, còn có nhân quả. Trong Phật môn có câu: *“Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”* (vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không). Trong mười pháp giới, nhân quả chẳng không. Thật ra, trong cõi Thật Báo, vẫn là nhân quả chẳng không, đến cõi Thường Tịch Quang [nhân quả] mới chẳng còn nữa.

*“Trực tiếp liễu đáng, phương tiện cứu cánh, kỳ đặc thù thắng, bất khả tư nghị”* (Thẳng chóng ổn thỏa, thích đáng, phương tiện rốt ráo, đặc biệt lạ lùng thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Mấy câu này là lời tán thán bộ kinh này và pháp môn này, thù thắng khôn sánh. Chúng ta có thể gặp gỡ, tức là có nhiều phước báo. Thật đấy, trong pháp giới hư không giới, bao nhiêu vị Bồ Tát mong cầu mà chẳng cầu được. Đạo tràng này của chúng ta tuy không lớn, thính chúng đông đảo, lũ chúng ta mắt thịt chẳng thấy. Khi quý vị thấy được, sẽ biết thính chúng nhiều vô số. Tuy chúng ta ở đây mở toang cửa, hoan nghênh mọi người, chẳng có bất luận điều kiện gì, nhưng rành rành là vẫn có thần hộ pháp, có chẳng ít chúng sanh bị thần hộ pháp chặn ở ngoài cửa, không vào được. Chúng ta thờ bái vị, là thiết lập chỗ ngồi cho họ, để họ có chỗ ngồi, có thể tiến vào nghe kinh, đến nơi đây tu hành. Hết thảy pháp toàn là huyền hóa, chẳng có lớn hay nhỏ. Lớn hay nhỏ tùy thuộc tâm lượng của quý vị. Tâm lượng càng lớn, đạo tràng càng to. Tâm lượng nhỏ nhoi, đạo tràng sẽ bé tí, đại đạo tràng cũng biến thành tiểu đạo tràng. Tâm lượng lớn, tiểu đạo tràng cũng biến thành đại đạo tràng, chẳng thể nghĩ bàn! *“Tiện dĩ Tịnh Độ chư kinh chi trung, duy thử kinh bị nhiếp viên diệu”* (Ấy là vì trong các kinh Tịnh Độ, chỉ có kinh này gồm trọn các điều màu nhiệm viên mãn). Tịnh Độ có tam kinh, trong phần trên tôi đã thưa với quý vị, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tam Kinh, biến thành Tứ Kinh; Ấn Quang đại sư đem Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm ghép vào cuối Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, viên mãn! Tu Tịnh Độ năm kinh này là viên mãn. Trong ngũ kinh, bộ kinh nào giảng viên mãn nhất, một chút khiêm khuyết cũng không có? Đó là kinh Vô Lượng Thọ; vì thế, cổ đại đức tán thán bộ kinh này là cực viên, cực diệu.

“*Đĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bản*” (Lấy phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm làm Tông, lấy đại nguyện “mười niệm ắt sanh” của Phật Di Đà làm gốc). Hai câu này rất quan trọng! Phẩm Tam Bối Vãng Sanh trong kinh này đã giảng rất rõ ràng [ý nghĩa của] “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Phẩm Tam Bối Vãng Sanh gồm bốn đoạn kinh văn: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh; đoạn cuối cùng là tu học Đại Thừa Phật pháp, bất luận tu học pháp môn nào, đem công đức đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ đều có thể vãng sanh. Quý vị thấy pháp môn Tịnh Độ này lớn như thế đó! Trong khoa phán, pháp sư Từ Châu đã đặt đề mục cho đoạn này là Nhất Tâm Tam Bối, đặt hay lắm, đã gồm thấu toàn bộ Phật pháp. Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Điều này thường được nói tới. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giảng Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm*”, kinh dạy như thế. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bồ Đề tâm được giảng là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Gộp chung kinh và luận lại để xem, ý nghĩa rất rõ rệt. Thể của Bồ Đề tâm, cũng là chân tâm trong Bồ Đề tâm, Thể của chân tâm là gì? Là chân thành. Chân thành đến chỗ cùng cực thì gọi là chí thành, tức chí thành tâm. Trực tâm như Khởi Tín Luận đã nói: Chẳng có mây may cong vạy nào, đó chính là chân thành. Chúng ta chiếu theo kinh luận để hiểu ý nghĩa. “*Thâm tâm*” chẳng dễ giải thích. Cổ đại đức giải thích [thâm tâm] là ưa thiện, chuộng đức, giải thích thâm tâm như thế. Thâm tâm là tự thụ dụng, dành cho chính mình. Đại bi tâm là đối người khác, từ bi đối người khác. Do vậy, trong hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này, dùng ngay [những từ ngữ trong] tựa đề kinh Vô Lượng Thọ “*thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*”, đó là thâm tâm. Chân thành tâm như đã nói trong phần trên chính là cái Thể của Bồ Đề tâm. “*Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” là Tự Thụ Dụng, từ bi là Tha Thụ Dụng. Nói cách khác, dùng tâm gì đối với chính mình? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng tâm gì đối với người khác? Đại từ đại bi. Đây gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”.

Chúng ta tu hành là tu điều gì? Tu tâm. Tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Bình đẳng hay bất bình đẳng? Tâm thanh tịnh là giới luật, tâm bình đẳng là Thiên Định, tâm Chánh Giác là trí huệ, Giới - Định - Huệ. Chúng ta học Giới - Định - Huệ như thế nào, quý vị phải hiểu rõ: Nếu trì giới mà tâm chẳng thanh tịnh, quý vị đã uổng công trì giới! Tu Định mà chẳng khai trí huệ, cũng uổng công tu Định! Nhân Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Vì thế, trì giới là phương tiện, không phải là mục đích, [trì giới] nhằm muốn đạt tới Thiên Định, đạt tới bình đẳng. Bình đẳng mới là Định. Nếu chúng ta thật sự đạt được cái tâm thanh tịnh, thưa quý vị, Thủy Tai trong Tam Tai chẳng còn nữa. Tâm bình đẳng hiện tiền, động đất chẳng còn nữa. Hôm nay, có một đồng học đưa cho tôi xem một tài liệu, gần như chưa đầy một tháng, động đất cấp sáu<sup>2</sup> trở lên đã xảy ra mười mấy lần tại các nơi trên toàn thế giới, liên tiếp xảy ra như thế là do nguyên nhân gì? Từ cấp sáu trở lên đã đáng sợ

2 “*Cấp sáu*” nói ở đây chính là dựa theo cách đánh giá theo tiêu chuẩn Richter. Quy định này được Charles Francis Richter và Beto Gutenberg đưa ra vào năm 1935 nhằm đánh giá mức độ chấn động của các trận động đất. Tuy báo chí vẫn viết là “một trận động đất mấy độ Richter”, nhưng thật ra thang đo hiện thời được sử dụng là MMS (moment magnitude scale, thường dịch là Cự Chấn Cấp) căn cứ trên mức năng lượng do một trận địa chấn phóng thích. Nói chung, một trận động đất cấp sáu sẽ phóng thích một năng lượng bằng 15 kilotons, có sức tiêu hủy trong vòng bán kính 160 km. Cấp tám là rất mạnh, có thể tàn phá hàng trăm km.

lắm, [có trường hợp động đất] đến cấp tám. Sau khi giác ngộ, Phong Tai chẳng còn nữa. Ngu si cảm Phong Tai. Nếu chúng đặc tâm bình đẳng, nhiệt độ của địa cầu sẽ chẳng tăng lên, khôi phục bình thường. Vì thế, đức Phật chỉ dạy chúng ta: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham sân si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Cảm ứng của tham, sân, si là tai nạn, là bất thường. Giới, Định, Huệ là bình thường. Do vậy, phải phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận A Di Đà Phật, chúng ta sẽ thành công trong một đời này, những thứ khác đều là giả.

Học rộng nghe nhiều khá lắm, nhưng [tai ương, vô thường] xảy đến, [trở tay] chẳng kịp! Do vậy, tôi thường khuyên các đồng học: Học rộng nghe nhiều tốt lắm, nhưng sang thế giới Cực Lạc hãy làm. Vì sao? Sang bên đó, điều đầu tiên mà chúng ta đạt được là Vô Lượng Thọ, dấu học nhiều thứ vẫn được! Ta có thời gian mà! Ở nơi đây, sanh mạng quá ngắn ngủi, chúng ta chớ nên lãng phí thời gian, đừng lãng phí! Hơn nữa, trong thế gian này, trí huệ chưa khai, học gì cũng chẳng viên mãn, hiểu biết nửa vời, lại còn phạm rất nhiều sai lầm, có gì cứ phải như thế? Do vậy, phải thật thà, phải nghe lời! Đức Phật dạy chúng ta một mục chuyên niệm, đức Phật dạy như thế trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ. Tông (宗) là tôn chỉ, Tông nghĩa là gì? Là điều quan trọng nhất. Đây là nói về phương pháp tu học. [Tông] là phương pháp tu học quan trọng nhất, là phương pháp đáng tôn sùng nhất, thập phương chư Phật đều tán thán. Phương pháp tu học chủ yếu của Tịnh Tông là “*nhất hướng chuyên niệm*”. Chữ “Tông” có ba ý nghĩa ấy.

“*Dĩ Di Đà thập niệm tắt sanh chi đại nguyện vi bản*” (lấy đại nguyện “*mười niệm tắt sanh*” của Phật Di Đà làm gốc). Đây là nguyện thứ mười tám; “*phát Bồ Đề tâm*” là nguyện thứ mười chín. Đây là hai nguyện trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện. Cổ đại đức nói nguyện nào trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện? Mọi người đều nói là nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm hay một niệm, đều có thể vãng sanh*”. Điều kiện là gì? Điều kiện là trọn đủ tám nguyện. Một niệm hay mười niệm là nói về lúc nào? Là nói khi quý vị vãng sanh, lúc quý vị rời khỏi thế gian, niệm cuối cùng [trong lúc ấy]. Niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, do niệm ấy bèn vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, nếu một niệm vẫn là nghĩ tới tài sản trong nhà, xong luôn! Sẽ đi vào quỷ đạo! Nếu nghĩ tới kẻ nào khiến ta bị oan uổng, ta vẫn còn hận hấn, sẽ sanh vào địa ngục! Một niệm cuối cùng quyết định quý vị từ nơi này rốt cuộc sẽ sanh về đâu, mấu chốt ở một niệm ấy; vì thế, một niệm rất trọng yếu! Điều quan trọng nhất trong việc đưa người khác đi vãng sanh (trợ niệm) là giúp cho người ấy trong một niệm cuối cùng đừng quên mất A Di Đà Phật. Chúng ta vây quanh người ấy, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, nhắc nhở người ấy, công đức vô lượng, bảo người ấy không nên có ý niệm nào khác. Cổ đại đức đã làm rất tốt, không cho phép người nhà, quyến thuộc gần gũi người sắp mất. Khi người ấy sắp tắt hơi, người nhà, quyến thuộc lánh đi để người ấy chẳng khởi lên tình chấp. Hễ tình chấp dấy lên, ngay lập tức [người sắp mất ấy] bị đọa lạc, sanh trong tam ác đạo. Người nhà, quyến thuộc rời khỏi, các đồng tham đạo hữu giúp đỡ; đây là chính xác. [Dấu] người nhà, quyến thuộc học Phật, tốt nhất là cũng nên rời khỏi, [kéo] người sắp mất thấy con cháu sẽ dấy động tình cảm, khi ấy, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì thế, người nhà, quyến thuộc rời khỏi người chết là chuyện hết sức hợp lý.



“*Thâm minh tam bối vãng sanh chi nhân*” (Nêu tỏ sâu xa cái nhân vãng sanh của ba bậc). Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, trong hai chương Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân đã nói rõ ràng, minh bạch. “*Quảng nhiếp cứu giới thánh phàm chi chúng*” (rộng nhiếp các bậc thánh phàm trong chín pháp giới): Pháp môn này quá lớn, có năng lực nhiếp thọ chúng sanh trong chín pháp giới. Trong chín pháp giới, ba pháp giới phía trên là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chúng ta gọi họ là thánh nhân. Bồ Tát là đại thánh, Thanh Văn và Duyên Giác là tiểu thánh. Trong lục đạo đều là phàm phu, phàm chúng. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là đi làm Phật, ai nấy đều có phần, quý thân cũng có phần, trời, người cũng có phần, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng có phần, vấn đề là quý vị có phước báo và duyên phận gặp gỡ hay không? Đã gặp, quý vị bèn tin tưởng, phát nguyện vãng sanh thì sẽ thành. Nói theo Lý, đáng lẽ Bồ Tát, A La Hán dễ [có phước đức và nhân duyên tu pháp môn này] hơn chúng ta; vì sao kinh nói “trong mười pháp giới, nhân gian vãng sanh thuận tiện nhất”, do nguyên nhân nào? Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có tỳ dụ: “*Phú quý học đạo nan*”; người phú quý hưởng phước, quên tuốt, coi thường chuyện học Phật. Bần cùng học đạo cũng khó! Kẻ bần cùng cuộc sống quá khổ, ba bữa còn chưa đủ ăn, bận bịu kiếm sống, chẳng có thời gian để học Phật. Còn loài người thì sao? Chẳng thể coi là rất giàu có, nhưng cũng là chẳng thanh bần, thuộc loại thường thường bậc trung, dễ giác ngộ, dễ tu hành. Thuận tiện ở chỗ này! Chúng ta có thể hiểu được! Cuộc sống của chư thiên nhân tốt đẹp hơn chúng ta, phước báo to lớn; còn tam ác đạo thì sao? Quá khổ sở!

Hiện thời, dường như tình hình có biến hóa đôi chút. Tôi nghe không ít tin tức, ngay cả nga quý, địa ngục niệm Phật vãng sanh cũng không ít; ngược lại, con người chẳng tin! Người niệm Phật đến cuối cùng đều niệm đến nỗi sanh vào quỷ đạo hay địa ngục, chuyện này là như thế nào? Đối với chuyện này, nếu chư vị đọc bộ Đại Thế Chí Viên Thông Chương Số Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, Đại Thế Chí Viên Thông Chương rất ngắn, hai trăm bốn mươi bốn chữ, mà bản chú giải của Ngài là một quyển dày như thế. Bản tôi đọc chính là loại sách đóng gáy bằng cách khâu chỉ, là một quyển dày như thế đó! Nơi trang cuối, thuở ấy, tôi đọc mà không hiểu, Ngài nói một trăm thứ quả báo của người niệm Phật; câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục, đọa nga quý, đọa súc sanh. Tôi đọc xong, hết sức nghi hoặc, cầm cuốn sách ấy đến hỏi thầy, tôi học kinh giáo với lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi hỏi: “Thưa thầy, niệm Phật là chuyện tốt, nhưng niệm Phật như thế nào mà đọa địa ngục?” Thầy xem rồi bảo: “Đây là một vấn đề lớn, quan trọng lắm, tôi chẳng nói với một mình anh! Khi giảng kinh tôi sẽ giảng giải đạo lý này cùng mọi người”. Thật ra, quý vị dùng cái tâm gì để niệm Phật? Quý vị niệm Phật, nhưng chẳng đoạn tham, sân, si. Tham, sân, si, mạn, nghi gọi là Ngũ Độc. Quý vị dùng tâm Ngũ Độc này để niệm Phật thì vẫn đọa địa ngục; do vậy, chẳng thể không hiểu nhân quả. Vậy thì niệm Phật có uổng công hay không? Chẳng phí công niệm Phật! Trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử Phật. Trước hết, quý vị gánh chịu quả báo do các tội nghiệp đã tạo tác, đợi cho đến khi quý vị thoát khỏi địa ngục, chẳng biết tới đời nào đó, lại được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị lại tu tiếp. Vì thế, chỉ có thể nói là trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử niệm Phật, chủng tử ấy vĩnh viễn bất hoại, sau này nhất định sẽ khởi tác dụng. Lợi ích ấy cũng rất thù thắng, nhưng luân hồi trong lục đạo, quý vị vẫn phải chịu hết các nỗi khổ sở. Do vậy, niệm Phật phải dùng Bồ Đề tâm để niệm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Quý vị dùng tâm này để niệm, sẽ hoàn toàn tương

ứng; đúng là “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

“*Chánh hiển trì danh niệm Phật chi pháp, trực chỉ vãng sanh quy nguyên chi lộ. Thị cổ, thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ nhất kinh dã*” (Chỉ rõ ràng phương pháp Trì Danh Niệm Phật, chỉ thẳng con đường vãng sanh để trở về nguồn. Vì thế, kinh này được gọi là kinh bậc nhất của Tịnh Tông). Quả thật tổ sư đại đức đã chỉ rõ phương pháp Trì Danh Niệm Phật; đây là chỉ thẳng, không đi đường vòng, chỉ thẳng thừng một con đường gần nhất, con đường thẳng ấy không ngoằn ngoèo. Dẫn đến đâu? Vãng sanh quy nguyên! “*Quy nguyên*” là trở về nguyên thủy, nguyên thủy là gì? Tự tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới từ tự tánh biến hiện. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da có thể biến; đây là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta gặp Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát cũng ở trong mười pháp giới, cũng có cùng một hoàn cảnh bị khổ, chịu nạn như chúng ta, nhưng các Ngài giác ngộ, quy nguyên, trở về tự tánh. Chúng ta thường nói các Ngài “*thành Phật, thành Bồ Tát*”, trở về tự tánh. Các Ngài hiểu rõ, minh bạch, nên các Ngài đến chỉ dạy, giáo hóa chúng ta làm thế nào thoát ly biển khổ. Lục đạo là biển khổ. Trong biển khổ sâu thẳm, tứ thánh pháp giới là chỗ ven bờ, chỗ biển cạn, lên được bờ mới tính là thoát ly. Bờ ấy được gọi là “*bỉ ngạn*” (bờ bên kia), là “*Niết Bàn bỉ ngạn*”. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bỉ ngạn là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ hết thấy chúng sanh [đạt đến Niết Bàn] mới được coi là viên mãn. Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất của Tịnh Tông, Tịnh Tông đồng học chẳng thể không học.

Lại đọc tiếp: “*Đản thử thù thắng đệ nhất chi Tịnh Tông bảo điển, cánh tại ngã quốc Đại Tạng trung trần phong nhất thiên dư niên*” (Nhưng kinh điển quý báu bậc nhất của Tịnh Tông này bị bụi phủ trong Đại Tạng Kinh nước ta đã hơn một ngàn năm). Kinh Vô Lượng Thọ được truyền sang Trung Quốc sớm nhất, vào thời đại Đông Hán. Vào thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ liền được truyền sang Trung Quốc, cho nên cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất. Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, nay là Đông Lâm Tự, [là đạo tràng] cho các đồng học chuyên tu Tịnh Độ, trong ấy người tại gia lẫn xuất gia, tổng cộng một trăm hai mươi ba người. Một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thừa cùng quý vị, kinh điển để làm căn cứ là kinh Vô Lượng Thọ, vì khi đó, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà đều chưa truyền sang Trung Quốc, kinh điển Tịnh Tông chỉ có một bộ này. Vì thế, cả nhóm người của vị tổ sư đời thứ nhất là Huệ Viễn đại sư dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, không dễ dàng! Đối với bộ kinh này mà có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thật sự hành, há dễ dàng ư? Chúng ta xem truyện ký của Huệ Viễn đại sư trong Cao Tăng Truyện, quý vị có thể thấy được tình hình tu hành nồng nhiệt thuở ấy. Họ kết giới an cư, phía trước [đạo tràng] có một con suối nhỏ, tên là Hồ Khê. Chúng tôi suy đoán, chắc là khi ấy trên núi có cộp, nên mới gọi là Hồ Khê. Hồ Khê là giới tuyến của họ, người tu hành nhất định chẳng rời khỏi giới tuyến này. Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo là một nhà, nên cũng có một câu chuyện về Viễn Công được gọi là Hồ Khê Tam Tiểu. Có hai người bạn thân đến thăm, Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) là Nho gia, Lục đạo trưởng tu Đạo, tới Đông Lâm thăm Viễn Công, nói chuyện rất cao hứng. Lúc chia tay, Viễn Công đưa tiễn, vô tình vượt qua Hồ Khê. Bước qua chiếc cầu bắc ngang Hồ Khê, sau khi bước qua khỏi, ba người cười ha hả. Đó là giới tuyến, chẳng thể vượt qua,

mà nghiêm nhiên đi quá lố. Vì thế, truyền thống văn hóa Trung Quốc chẳng tách rời Nho, Thích, Đạo, vững vàng như cái đỉnh có đủ ba chân.

Viễn Công nương theo bộ kinh này tu hành; nhưng người đời sau không sốt sắng đốc công nơi kinh này như vậy, là vì không lâu sau đó, ước chừng chưa đầy năm mươi năm, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch ra. Quả thật, vào thời kỳ đầu của Tịnh Tông, điển tịch Phạn văn được truyền sang Trung Quốc, người ta thường đốc công nhiều nhất nơi kinh Di Đà, chú sớ [kinh Di Đà] cũng nhiều nhất. Hơn một ngàn năm qua, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) không được Tịnh Tông chú trọng vì nguyên nhân gì? Sách viết tiếp: *“Khảo kỳ nguyên nhân, cái do thứ kinh ngữ chủng nguyên dịch, hồ hữu tường lược, xuất nhập thậm cụ”* (xét đến nguyên nhân là do năm bản dịch gốc của kinh này, có bản chi tiết, có bản đại lược, sai biệt quá lớn), phải biết nguyên nhân là như vậy. Năm bản dịch gốc được nói đến ở đây hiện thời được bảo lưu trong Đại Tạng Kinh, kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Theo Dịch Kinh Mục Lục, từ triều Hán tới triều Tống, có mười hai bản dịch, quá nhiều, rốt cuộc nên tuân theo bản nào? Trong các bản dịch này, sai biệt rất lớn, ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, *“lệ như Di Đà đại nguyện”* (chẳng hạn như đại nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta thường nói bốn mươi tám nguyện thì bốn mươi tám nguyện là dựa theo bản dịch đời Ngụy và đời Đường, hai bản này chép bốn mươi tám nguyện. Trong bản dịch đời Hán và Ngô, Ngô [ở đây] là nhà Đông Ngô thời Tam Quốc, do Chi Khiêm phiên dịch, thì là hai mươi bốn nguyện. Trong bản dịch đời Tống là ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu chỉ có một bản gốc bằng tiếng Phạn, bất luận là ai dịch, đương nhiên văn tự sẽ không giống nhau, nhưng ý nghĩa nhất định như nhau, chẳng hạn các điều trong lời nguyện nhất định sẽ giống nhau, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy. Do đó, cổ nhân phán đoán: Thích Ca Mâu Ni Phật thuở còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh này, nên mới có tình hình này xuất hiện. Đức Thế Tôn giảng kinh từ trước tới nay, chưa hề giảng kinh nào hai lần, chỉ giảng một lần, chẳng giảng hai lần, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, chứng tỏ tầm quan trọng của bộ kinh này và tầm quan trọng của pháp môn này. Tổ sư đại đức đã chỉ ra như vậy!

*“Toại sử sơ tâm học giả, chuyên trì nhất dịch, nan minh thâm chỉ, biến độc ngữ chủng, hựu cảm gian nan”* (Khiến cho người mới học chuyên trì một bản dịch sẽ khó thấu hiểu tông chỉ sâu xa; nếu đọc trọn năm bản dịch, sẽ cảm thấy khó khăn). Thật khó! Quý vị thấy vào đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư là một vị đại đức lỗi lạc, nhưng không thể đọc cả năm bản dịch gốc, chỉ được thấy bốn bản. Vì thế, bản hội tập của ông căn cứ trên bốn bản dịch gốc. Bản dịch đời Đường chính là hội Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích, ông Vương Long Thư chưa được đọc bản dịch này! Trong bản này, có rất nhiều khai thị tuyệt diệu, mà bốn bản dịch kia không nhắc tới. Vì thế, bản hội tập này chưa hoàn mỹ. Quý vị hãy suy nghĩ: Có địa vị, giàu có như Vương Long Thư, mà còn chẳng có cách nào sưu tập hoàn toàn năm bản dịch gốc, vẫn thiếu mất một loại, tìm không ra! Xưa kia, tìm một bản kinh là chuyện hết sức khó khăn! Vì thế, cổ đại đức dạy chúng ta: Kinh điển phải bảo tồn rất cẩn thận, khi đọc phải cẩn thận. Trên kinh bản, quyết định không thể đánh dấu hay viết chữ, chớ nên gây hư hại. Vì sao? Nhằm lưu truyền cho hậu thế, để người đời sau có kinh để đọc. Không như hiện thời, thuật ấn loát phát triển, thuận tiện như thế. Vì lẽ đó, có người hỏi tôi: “Chúng con có thể viết chữ hay đánh dấu trên cuốn kinh được hay không?” Tôi bảo: “Được chứ!” Vì sao? Quá nhiều! Chẳng bị thất truyền! Trước kia quá ít, sợ bị thất

truyền. Từ đời Tống trở về trước, kinh điển toàn là chép bằng tay, kỹ thuật ấn loát mới được phát minh vào đời Tống, nhưng dùng bản khắc gỗ để in, suy cho cùng vẫn là hữu hạn, hết sức hữu hạn. Ấn loát phát triển cũng chỉ trong năm mươi năm gần đây, chứ năm mươi năm trước đó, sắp chữ đúc bằng kim loại vẫn khá phiền phức. Hiện thời quá thuận tiện, chúng ta phải hiểu điều này. Đối với bản in hiện thời, nếu quý vị cảm thấy chỗ nào rất quan trọng, có thể đánh dấu, có thể gạch một vạch đỏ, như Hoàng Nhất đại sư đọc sách, dùng các màu khác nhau để đánh dấu; kinh bản nhiều, có thể làm theo cách này!

“*U thị, đa xả thử kinh, nhi chuyên công A Di Đà kinh hỹ*” (do vậy, đa số bỏ kinh này để đọc sức nơi kinh A Di Đà). Đây là lý do vì sao từ xưa tới nay, ít người giảng kinh này, người chú giải kinh này cũng ít, nhưng đối với kinh A Di Đà, chú giải đông, giảng giải nhiều. Do vậy, Tịnh Tông gần như coi kinh A Di Đà là bộ kinh quan trọng nhất. “*Thanh sơ, Bành Thiệu Thặng cư sĩ viết*” (đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thặng nói), Bành Thiệu Thặng là Bành Tế Thanh, “*thử kinh xiển dương giả thiếu, thật dĩ vô thiên bốn cố*” (kinh này ít người xiển dương, thật ra là vì chưa có bản hoàn thiện), lời này rất hợp lý! Chưa có bản nào tận thiện! Quý vị nhìn vào năm bản dịch gốc sẽ biết liền! “*Thành tai thị ngôn! Thị dĩ, Tống Vương Nhật Hưu, Thanh Bành Thiệu Thặng, Ngụy Thừa Quán đẳng đại cư sĩ, quân vị hoàng dương thử kinh, tiên hậu nhi hữu hội bốn dĩ tiết bốn chi tác*” (Lời ấy đúng thay! Do vậy, các vị đại cư sĩ như ông Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thặng và Ngụy Thừa Quán đời Thanh, vì hoàng dương kinh này mà trước sau đã có các bản hội tập và bản trích lược, phân chia chương đoạn). Đến phần sau, sẽ giới thiệu tỉ mỉ [chuyện này]. Đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư, Vương Nhật Hưu là Vương Long Thư, từng viết cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Long Thư là địa danh, cũng chính là Thư Thành ở tỉnh An Huy quê tôi, cách nơi tôi sanh ra rất gần. Cuốn Tịnh Độ Văn của ông Vương viết hết sức hay, nhiều người do đọc cuốn sách này mà tu Tịnh Độ, tiếp dẫn rất nhiều người. Ngụy Thừa Quán là Ngụy Mặc Thâm, là người thuộc niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh. Những vị này đều là đại đức cư sĩ, Bành Thiệu Thặng sống vào thời Càn Long. Vương cư sĩ và Ngụy cư sĩ đều có bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, họ soạn bản hội tập, còn Bành Thiệu Thặng soạn tiết bốn, [tức là] ông ta chỉ lấy một bản, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đem chỉnh lý, san đính<sup>3</sup> một lần nữa. Nay chúng ta nói “*san đính*” tức là gạt bỏ những phần khó hiểu, chẳng dễ đọc, tạo thành bản trích lược, trở thành dễ đọc hơn. Vì thế mới có một tiết bốn và hai loại bản hội tập.

Tiếp đó, sách giới thiệu, “*Tống đại, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu, tăng soạn Long Thư Tịnh Độ Văn, tứ hải xưng dự, truyền tụng chí kim*” (đời Tống, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu từng viết Long Thư Tịnh Độ Văn, được bốn biển khen ngợi, truyền tụng đến nay). Các đồng học tu Tịnh Độ, hình như rất ít ai chưa đọc Long Thư Tịnh Độ văn. Khi chúng tôi

---

3 San đính (刪訂): Nói gọn của “*san cải, tu đính*” tức là gạt bỏ những chỗ rườm rà, trùng lặp, sửa những chữ bị chép lầm. San đính khác với “*san định*” (刪定). Khổng Tử san định Ngũ Kinh của Nho gia chính là hệ thống hóa, gạt bỏ thẳng thừng những phần được coi là không đúng với tư tưởng Nho gia, đồng thời sắp đặt, chỉnh lý, thay đổi kết cấu của cả một bộ kinh; trong khi san đính chỉ nhằm mục đích làm cho một văn bản trở nên mạch lạc, rõ ràng, sửa những chữ sai, lược bỏ những đoạn văn trùng lặp thường thấy trong tiếng Phạn, hay những phần khó hiểu, rườm rà, không ảnh hưởng đến ý nghĩa chánh yếu của cả bản kinh.

mới học Phật, cũng hết sức ưa thích bộ sách này. Viết hay lắm, có thể coi như sách để học Quốc Văn. “*Vương thị lâm chung, đoan lập vãng sanh*” (Họ Vương lúc lâm chung, đứng thẳng vãng sanh), cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Trong Cư Sĩ Truyện, trong Đại Tạng Kinh có bộ Cư Sĩ Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đều có ghi chép. “*Khả chứng cư sĩ thật vi ngã quốc Tịnh Tông giải hạnh câu ưu, thù thắng hy hữu chi tại gia đại đức*” (Đủ chứng tỏ Vương cư sĩ là bậc tại gia đại đức thù thắng hiếm có, hạnh lẫn giải đều tốt đẹp trong Tịnh Tông nước ta). Chúng ta thấy ông ta vãng sanh, cách ông ta biểu diễn, chúng ta liền biết ông ta vãng sanh chẳng giả chút nào, đứng mất. “*Vương thị thâm khái bảo điển chi trần phong, u thị nãi hội tập Vô Lượng Thọ kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Tống tứ chủng nguyên dịch, lánh thành nhất bản, danh vi Đại A Di Đà Kinh*” (Họ Vương tiếc nuôi sâu xa bảo điển bị phủ bụi, bèn hội tập bốn bản dịch gốc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, tạo thành một bản riêng, đặt tên là Đại A Di Đà Kinh). Trong Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh) có bản này, hình như Nhật Bản Đại Chánh Tạng<sup>4</sup> cũng có, Đại Chánh Tạng cũng thu nhập bản này. Có thể đưa vào Đại Tạng Kinh tức là bản này được lịch đại cao tăng đại đức công nhận, nên mới có thể “nhập Tạng” (đưa vào Đại Tạng Kinh). Vì lẽ đó, Đại Tạng Kinh là tiêu chuẩn thật sự. Nếu chúng ta muốn học kinh điển, nhưng kinh điển ngụy tạo rất nhiều, rốt cuộc kinh nào là thật, bộ kinh nào đáng tin cậy? Vào thời cổ, khi quý vị xem Đại Tạng, hề kinh nào có trong Mục Lục của Đại Tạng sẽ là đáng tin cậy, kinh nào không có, chẳng đáng tin cậy! Đây là lập một tiêu chuẩn cho người đời sau. Nhưng tốt nhất là nếu quý vị có được một bản, đối chiếu với Đại Tạng Kinh [thấy có bản kinh ấy] sẽ càng yên tâm. Quý vị thấy ông Vương chỉ dùng bốn bản dịch gốc thuộc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, thiếu bản dịch đời Đường, chỉ có bốn bản!

“*Vương bốn xuất thế, hải nội xưng tiện, tòng lâm phụng vi khóa bốn*” (bản của ông Vương ra đời được trong nước khen là tiện lợi, chốn tòng lâm dùng làm kinh nhật tụng). “*Tòng lâm*” là Phật môn đạo tràng, nhà Phật gọi là tòng lâm, còn hiện tại thì sao? Hiện thời là đại học. Nói thật ra, tòng lâm là đại học Phật giáo, có chế độ chánh thức, được chế độ hóa. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh giáo học, giống như trường tư thục do tư nhân quản lý, không có chế độ, giống như thuở Khổng lão phu tử còn tại thế dạy học,

---

4 Long Tạng là tên gọi tắt của Càn Long Đại Tạng Kinh, còn gọi là Càn Long Tạng, hoặc Thanh Tạng, là Đại Tạng Kinh được triều đình Thanh chủ trì khắc in. Công trình này được khởi xướng từ năm Ung Chánh 11 (1733), do Hòa Thạc Thân Vương Doãn Lộc chủ trì, Hòa Thạc Thân Vương Hoàng Trú và Trụ Trì chùa Hiền Lương Siêu Thánh phụ tá. Chính thức tiến hành khắc in vào năm Ung Chánh 13 (1735) đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành, gồm 79.036 tấm ván in, chia thành 724 hòm, dùng những chữ trong bài Thiên Tự Văn để đánh số thứ tự (tập một là Thiên, tập hai là Địa, tập ba là Huyền v.v...) gồm 1.669 bộ kinh sách, 7.168 quyển, trình bày giống như bộ Vĩnh Lạc Bắc Tạng (Đại Tạng Kinh đời Minh).

Đại Chánh Tạng gọi đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō), tức là Đại Tạng Kinh Nhật Bản được đề xướng từ năm Đại Chánh 13 (1922). Đại Chánh (Taishō) là niên hiệu của hoàng đế Yoshihito (Gia Nhân thiên hoàng, tức ông nội của Nhật Hoàng Akihito (Minh Nhân Thiên Hoàng) hiện thời). Công trình này do hai ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjirō) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Umiakira) biên tập, nhóm các ông Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyo) v.v... giáo chánh, ấn hành năm 1934. Sách được chia thành 100 tập, chia thành Chánh Tạng 55 tập, Tục Tạng 33 tập, Biệt Quyển 15 tập (gồm Đồ Họa, Chiêu Hòa Pháp Bảo Tổng Mục Lục v.v..)

không có trường học nào theo hệ thống, quy chế chánh quy, không có! Tại Trung Quốc, đến thời Tùy - Đường, [trường học] mới chính thức đi vào khuôn khổ. Vì thế, đây là một điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Thuở đó, thầy Phương bảo tôi: *“Tùng lâm là một sáng kiến mang tính cách mạng của Phật giáo Trung Quốc, chính thức biến tu viện thành trường học”*. Người đứng đầu tùng lâm được gọi là Chủ Tịch, còn gọi là Phương Trọng Trụ Trì, đó là gì? Hiệu Trưởng! [Trụ Trì] là chức vị Hiệu Trưởng. Thủ Tọa Hòa Thượng là Giáo Vụ Trưởng. Duy Na là Huấn Đạo Trưởng. Giám Viện là Tổng Vụ Trưởng. Phân công những người chịu trách nhiệm hoàn toàn giống như cách tổ chức của một trường đại học hiện thời; danh xưng khác nhau, nhưng trên thực tế, Duy Na đúng là Huấn Đạo Trưởng, [phụ trách] giáo huấn, chỉ đạo. Điện, đường là phòng học, “chia ra nơi chốn để giảng kinh” (phân tòa giảng kinh). Quý vị thích học khoa mục nào, sẽ có thầy chỉ dạy, có giảng đường nhất định, giống như trong nhà trường. Vì vậy, quý vị phải hiểu Phật giáo truyền tới Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, mãi cho tới niên hiệu Càn Long nhà Thanh vẫn chưa bị biến chất, luôn là giáo dục. Tùng lâm là đại học, [ngoài ra] còn có những ngôi chùa nhỏ. Chùa nhỏ là trường chuyên khoa, chỉ học một thứ. Tịnh Tông đạo tràng tu tập năm kinh Tịnh Độ, chẳng có “phân tòa giảng kinh” (chia thành nhiều pháp môn để giảng kinh chuyên biệt), là trường chuyên khoa chuyên dốc sức vào một môn, hoặc là cũng học các kinh luận có liên quan đến môn này. Tình hình là như vậy đó.

Hiện thời Phật giáo suy vi, do đâu mà suy? Vứt bỏ giáo học. Sau khi vứt bỏ giáo học, kinh sám Phật sự trở thành hưng vượng, biến Phật giáo thành tôn giáo, thật sự trở thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó quả thật biến thành tôn giáo, đã quên mất gốc, Phật giáo vốn chẳng phải là tôn giáo! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị kiểm trong kinh điển, đức Phật chẳng làm Phật sự một ngày nào. Nếu làm Phật sự một bữa nào, kinh điển phải ghi chép tường tận, nhưng chẳng thấy! Trong Đại Tạng Kinh có nhiều tài liệu về kinh sám, Phật sự. [Những thứ ấy] do người đời sau, tức các vị tổ sư đại đức đời sau biên soạn, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật [nói ra]. Vì vậy, chẳng thể không biết vì sao Phật giáo trở thành nông nổi này, suy vi đến tình trạng này, nhất định phải hiểu rõ ràng. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nhiều lần nhắc nhở tôi: *“Phật giáo Trung Quốc muốn phục hưng, nhất định phải thực hiện bằng cách khôi phục chế độ tùng lâm”*. Đó chính là mở trường đại học, phải thực hiện giáo dục. Vào thời đầu Dân Quốc, có mấy vị [đã làm chuyện này], nhưng thời gian rất ngắn, đều chẳng còn nữa! Hình như có một vị pháp sư mở Hoa Nghiêm Đại Học, pháp sư Thái Hư mở Phật học viện tại Hạ Môn. Pháp sư Viên Anh mở Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện tại Thượng Hải. Có mấy vị làm, nhưng thời gian cũng không dài, sau này đều chẳng còn nữa. Pháp sư Đế Nhân giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời giảng kinh, dạy học. Ngài thuộc tông Thiên Thai, đào tạo không ít nhân tài. Ở Mỹ, tôi còn gặp môn hạ của Ngài. Hội dịch, hội tập là chuyện có lý, ông Vương Long Thư hội tập đầu tiên, được tùng lâm tôn trọng, dùng bản ấy làm kinh nhật tụng. *“Ngã quốc Long Tạng”* (Long Tạng nước ta) chính là Đại Tạng kinh được biên tập dưới thời vua Càn Long, *“cập Nhật Bản Đại Chánh Tạng diệc quân thái nhập Vương bản”* (và Đại Chánh Tạng của Nhật Bản cũng đều chọn bản của ông Vương để nhập tạng), dùng bản của ông Vương Long Thư, tức là bản hội tập của ông Vương Nhật Hưu.

*“Liên Trì đại sư viết”* (Liên Trì đại sư nói). Liên Trì đại sư sống vào cuối đời Minh, lúc tại thế, Ngài đã phục hưng Tịnh Độ Tông, hết sức khó có! Đạo tràng của Ngài ở Hàng

Châu. Ngài nói: “*Vương thị sở hội, giáo chi ngữ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thể, lợi ích thậm đại*” (bản hội tập của họ Vương, so với năm bản dịch gốc, đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, được lưu thông trong đời hiện tại, lợi ích rất lớn). Đây là lời tán thán của vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông là Liên Trì đại sư đối với ông Vương Long Thư. “*Hựu viết: Dĩ Vương bốn thể sở thông hành, nhân tập kiến cố*” (Lại nói: Do bản của ông Vương được lưu hành rộng rãi trong cõi đời, người ta quen thấy), do được lưu thông rất rộng, người đọc tụng rất nhiều. “*Cố ư sở trước Di Đà Sớ Sao trung, phàm dẫn chứng Vô Lượng Thọ Kinh chi xứ, đa thủ Vương văn, giản thái nguyên dịch*” (Vì thế, đối với tác phẩm Di Đà Sớ Sao của tôi, hễ chỗ nào dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, phần lớn trích theo bản của ông Vương, chỉ đôi khi dẫn theo bản dịch gốc). Hình như tôi đã giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao đôi ba lần, quả thật [là một tác phẩm] hết sức hay! Do trong thời đại đó, chúng ta nhìn vào nội dung sách Sớ Sao, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc, sẽ biết những người ấy đang bị bệnh gì. Trong thời đại đó, trên lãnh thổ Trung Quốc, Phật giáo Thiên Tông hết sức hưng thịnh, nhiều kẻ coi rẻ, xem thường Tịnh Độ. Do vậy, trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dùng gì để chú giải kinh A Di Đà? Dùng Hoa Nghiêm, nâng kinh Di Đà lên ngang tầm vóc kinh Hoa Nghiêm, khiến mọi người tôn trọng! Rất tuyệt vời! Quả thật lời của cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, trong phần sau cũng có dẫn chứng lời này, có lý lắm! Cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Vô Lượng Thọ Kinh. Hoặc nói cách khác, kinh A Di Đà là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà một mà ba, ba mà một, Liên Trì đại sư đề xướng điều này, được các bậc cao tăng đại đức trong Phật môn công nhận, tán đồng, Tịnh Độ lại được hưng vượng, nên Ngài được xưng tụng là tổ sư đời thứ tám.

Tổ sư của Tịnh Độ Tông không giống như trong các tông phái khác, các tông phái là khác là “*đại đại tương truyền*”, [tức là] từ một đời này truyền lại cho đời sau, trong Tịnh Độ Tông không có [thể lệ ấy]. Tịnh Độ Tông chẳng phải là “*đại đại tương truyền*”, mà là sau khi vị đại đức ấy đã vãng sanh, người đời sau khẳng định vị ấy đối với Tịnh Độ Tông có công hiến đặc thù, bèn tôn vị ấy làm tổ sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ Tông là do dân tuyển (bầu chọn), chẳng phải đời này truyền sang đời kia, mà là dân tuyển. Giống như thời cận đại, Ấn Quang đại sư đối với Tịnh Độ Tông có công hiến rất lớn, mọi người công nhận Ngài xứng đáng là vị tổ sư đời thứ mười ba. Nếu là tổ tổ tương truyền (tổ sư này truyền cho tổ sư kia), phải biết là sẽ có tới sáu bảy mươi đời, nhưng Tịnh Độ Tông mới có mười ba đời. Nếu như đời này không có người như vậy, sẽ không ai được chọn. Thật sự có công hiến đặc thù đối với sự tu trì và hoằng dương Tịnh Tông, người ấy sẽ được người đời sau tôn xưng là “*nhất đại tổ sư*” (tổ sư trong một đời). Tổ sư [trong Tịnh Tông] do đó mà có, do dân tuyển. [Chư Tổ của] Tịnh Tông được gọi là “*đại sư*” cũng là do đặc biệt tôn trọng, bởi lẽ, đây cũng là một kiến thức thông thường quý vị cần biết. Chữ “*đại sư*” chẳng thể tùy tiện xưng hô! Danh xưng “*đại sư*” trong Phật môn chuyên dùng để gọi Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy đó: Trước kia, thầy của hoàng đế gọi là Quốc Sư; người phiên dịch kinh điển được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, bậc đại đức trong Thiên môn gọi là Thiên Sư, vị nào chuyên dốc sức nơi Luật thì gọi là Luật Sư, nghiên cứu luận điển thành công bèn gọi là Luận Sư, không ai xưng là đại sư! Chỉ có Tịnh Độ tông xưng là đại sư, vì sao? Các vị ấy chẳng khác gì Phật, có thể chỉ dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. Quý vị xem: Phật độ chúng sanh chẳng phải [chỉ dạy, giúp họ] thành Phật đó sao? Những vị đại đức độ chúng sanh dùng pháp môn này, cũng dạy họ thành Phật trong

một đời, có khác gì Phật? [Cho nên] đều gọi là đại sư. Vì thế, chỉ có tổ sư Tịnh Tông được gọi là đại sư, phải biết kiến thức thông thường này! Nay chúng ta là kẻ tầm thường mà xưng là đại sư tức là quá lớn, không thể được!

Tiếp theo đó là: “*Hựu U Khê đại sư cánh hữu thịnh yên*” (hơn nữa, U Khê đại sư càng dùng rộng rãi hơn), đây là một vị cùng thời đại với Liên Trì đại sư, cũng là một vị đại đức trong Tịnh Tông. Ngài có trước tác bộ Di Đà Viên Trung Sao. Khi chúng tôi mới vừa tiếp xúc Tịnh Tông, thầy có trao cho tôi ba bản chú giải, ba bản chú giải ấy là ba tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất, người tu Tịnh Độ chẳng thể không đọc. Thứ nhất là A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, thứ hai là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu; thứ ba là Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Ba bản chú giải này là tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất. Trong Viên Trung Sao, hễ trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ bèn hoàn toàn dùng bản hội tập của ông Vương Long Thư. Trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đại khái là trích dẫn bản hội tập của ông Vương Long Thư hơn phân nửa một chút, phần còn lại vẫn trích dẫn từ các bản dịch gốc. “*Cận đại, Ấn Quang đại sư u sở soạn Trùng Khắc Viên Trung Sao Tự trung, diệc tán Vương bốn văn nghĩa tường tất, cử thể lưu thông*” (gần đây, trong bài Tựa Tái Bản Bộ Viên Trung Sao do Ấn Quang đại sư viết, Ngài cũng khen ngợi bản của ông Vương văn lần nghĩa tường tận, đầy đủ, lưu thông rộng rãi trên cõi đời). Cận đại, trong Ấn Quang Văn Sao có bài này, đây là một thiên văn chương của Ngài. Trong bài Trùng Khắc A Di Đà Kinh Viên Trung Sao Tự, Ngài đã tán thán như vậy, chứng tỏ việc hội tập là chính xác, là chuyện phải có người đứng ra làm. Vậy mà trong thời cận đại có người phê bình hội tập là sai lầm, lời này nói chẳng xuôi tai!

Có rất nhiều người đến hỏi tôi, đối với bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ở trong nước lẫn Đài Loan đều có những vị đại đức trong Phật môn phản đối “đừng nên làm chuyện này”, [họ đem chuyện ấy] tới hỏi tôi. Tôi nói: Nếu chúng ta chẳng thừa nhận việc hội tập, cho là không đúng pháp, sẽ có rất nhiều vấn đề! Hiện thời, trong nhà chùa, khóa tụng sáng tối chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, kinh văn và nghi quy trong ấy đều là hội tập, cũng chẳng thể dùng những khóa bản ấy! Bình thường, quý vị làm Phật sự, như Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, Đại Bi Sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục, những bản ấy toàn là hội tập, thầy đều chẳng thể dùng. Khóa tụng sáng tối trong nhà chùa phải đọc nguyên văn mới đúng, vậy thì rất nhiều thứ trong nhà chùa đều trở thành có vấn đề, đều chẳng đúng pháp! Quý vị thấy trong Phật môn có bao nhiêu thứ là hội tập của tổ sư đại đức từ xưa đến nay. Vì thế, phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không nói theo lý. Sau khi quý vị đều hiểu rõ, sẽ biết hội tập là cần thiết, nhất là thuở ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy chúng ta: “*Y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ; y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa; y trí, bất y thức*”. Hơn nữa, kinh Đại Thừa thường dạy: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật không có pháp nhất định nào để nói), “*pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp), nói rành mạch, triệt để như vậy! Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu pháp do đâu mà có? Do con người mà hưng khởi, người ta mắc bệnh gì, đức Phật bèn kê toa thuốc đó; người không có bệnh, sẽ chẳng có toa thuốc! Đó là chữa bệnh. Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đây là nói rõ hội tập là chuyện phải nên làm!

Tiếp đó là nói đến những vấn đề trong hai bản hội tập: “*Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công u Tịnh Tông, đản sở hội chi bốn phả đa suyễn ngộ*” (Ông Vương hội tập kinh,



tuy có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm), trong ấy phạm sai lầm, đó là sự thật! Cho nên cũng phải nhận biết rõ ràng [những khuyết điểm ấy]! Cụ Hoàng nêu tỷ dụ: “*Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi*” (bạch khuê có vết, người hiền tiếc nuối), bạch khuê<sup>5</sup> là ngọc, ngọc có tỳ vết, tỷ dụ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư [có khuyết điểm], khiến người hiền tiếc nuối! “*Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khứ thủ vị tận*” (Liên Trì đại sư nói: “Trích dẫn kinh văn trong phần trước, ghép lời văn do mình sáng tác vào phần sau, lấy bỏ chẳng trọn hết”), điều này sẽ được giải thích trong phần sau. “*Bành Thiệu Thăng cư sĩ xích chi vi: Lãng loạn quai suyển, bất hợp viên chi*” (Cư sĩ Bành Thiệu Thăng chê trách: “Rời ren, sai sót, chẳng hợp ý chỉ viên dung”). Những lời phê bình này cũng đều có căn cứ. Nếu như chúng ta đem năm bản dịch gốc đối chiếu, quý vị sẽ hiểu ngay. Hiện thời có mấy vị cư sĩ [đã làm chuyện so sánh này], tôi thấy họ đã đối chiếu sự bất đồng giữa hai bản hội tập với năm bản dịch gốc, làm kỹ lắm, rất tốn công. Sau khi quý vị đã xem xong, mới biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ hay lắm, hội tập quá khéo! Đúng là hay hơn mấy bản hội tập trước đó! Do vậy, hiện thời có tổng cộng chín bản, gồm: Ba bản hội tập, một bản tiết lục, năm bản dịch gốc, tôi in cả chín bản này thành một cuốn. Khi ấy, tôi giảng bản hội tập của Hạ lão cư sĩ ở nước ngoài, sợ có kẻ đến kiểm chuyện, cho nên tôi in chung cả chín loại để quý vị tự xem. Kẻ nào thắc mắc, có nghi vấn, tôi đưa sách cho kẻ ấy xem, “ông hãy tự xem đi!”, tôi chẳng cần phải trả lời. Chín bản đều có, nhưng đều đọc hết thì thật là khó! Một bản hội tập hay như thế, đức Thế Tôn đã nói: Đến lúc pháp diệt tận, hết thấy các kinh đều chẳng còn nữa, cuối cùng chỉ còn lưu lại mình kinh Vô Lượng Thọ này, nhưng là bản nào của kinh Vô Lượng Thọ? Chắc chắn là bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, chứ không phải là bản dịch gốc. Chúng ta có thể khẳng định điều này! Bản hội tập này quá hay, chúng ta cần phải nhận biết điều này thì mới chẳng đến nỗi hoài nghi kinh này! Kẻ phê bình rất nhiều, sự tu học, thâm nhập kinh giáo của họ đã đạt tới bản lãnh như Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, và Hạ Liên Cư hay chưa? Nếu chưa đạt tới trình độ ấy, lẽ nào có thể tùy tiện phê bình? Cá nhân quý vị phê bình, chính quý vị tạo nghiệp phải tự gánh vác. Nếu quý vị ảnh hưởng tới người khác, khiến người khác nảy sinh hoài nghi đối với bản này, không học tập nữa, lỗi lầm lớn lắm! Quý vị đoạn Pháp Thân huệ mạng của người khác, có phải gánh trách nhiệm nhân quả hay chẳng? Chắc chắn là phải! Chúng ta học kinh giáo, chẳng thể không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---

5 Khuê (圭) còn gọi là ngọc khuê, vốn là một vật dụng tượng trưng cho quyền lực vào thời cổ, thường làm bằng ngọc quý, nhất là loại ngọc trắng, tạc thành hình thuôn dài, đẹp, trên đầu khắc thành hình tam giác, phía dưới cắt thẳng. Quý tộc thường cầm ngọc khuê khi vào chầu vua, dự tiệc, cúng tế, hoặc trong tang lễ. Tùy theo địa vị mà kích thước, chất liệu được quy định chặt chẽ, loại quý nhất là bạch khuê, nên về sau chữ “bạch khuê” được dùng với ý nghĩa “trân quý”.